LPBank Asset Management

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

("LPBF")

(Cập nhật lần thứ 7)

Hà Nội, năm 2026

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP (LPBF)

(Cập nhật lần thứ 7)

Bản cáo bạch cập nhật là bộ phận không tách rời của Bản cáo bạch đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng ngày 24/8/2023, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 382/GCN-UBCK cấp ngày 06/11/2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên của Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP
   (Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 25/GCN-UBCK cấp ngày 25/3/2024 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
2. Loại hình Quỹ: Quỹ mở
3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: 09 / 10 /2026
4. Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch: 24 / 10 /2026
5. Tiêu đề của Bản cáo bạch: Bản cáo bạch Quỹ Đầu tư trái phiếu LP
6. Thông cáo nội dung sau:

> *"Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 09 / 10 /2026.*

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ liên lạc của người phụ trách công bố thông tin:

Bà	:	Nguyễn Hồ Nga
Chức vụ	:	Tổng Giám đốc
Địa chỉ	:	Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 phố Tông Đản, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	0243 212 1616
Website	:	www.lpbam.com.vn
Email	:	contact@lpbam.com.vn

8. Nơi cung cấp các tài liệu Quỹ: Bản cáo bạch cùng các tài liệu của Quỹ (Điều lệ Quỹ, Báo cáo hoạt động định kỳ, Báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB, tại Trụ sở công ty và các Đại lý Phân phối.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 4
1. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ 4
2. Ngân hàng Giám sát 4
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA 4
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ QUỸ TRÁI PHIẾU 7
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 8
1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ 8
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ 10
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 11
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN 11
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ 11
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN 13
1. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư 13
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng 13
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ 14
1. Thông tin chung về Quỹ 14
2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ 15
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ 15
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO 17
1. Căn cứ pháp lý 17
2. Các điểm chính của đợt phát hành lần đầu (IPO): 19
3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo 19
3.1 Các quy định chung về giao dịch 19
3.2 Thực hiện mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản 21
3.3 Các hình thức tham gia vào quỹ 23
3.4 Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế …) 26
4 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng 27
5 Thông tin hướng dẫn tham gia vào Quỹ đầu tư 27
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 28
1. Báo cáo tài chính 28
2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (cập nhật hằng năm) 28
3. Giá dịch vụ, phí và phân phối lợi nhuận 28
4. Các chỉ tiêu hoạt động 29
5. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ 30
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ 30
7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ 31

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 31
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 31
1. Báo cáo cho Nhà đầu tư 31
2. Báo cáo Quỹ 31
3. Báo cáo bất thường 31
4. Hình thức gửi báo cáo 31
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ 32
XV. CAM KẾT 32
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM 33
PHỤ LỤC 01 35
TÓM TẮT NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 35
PHỤ LỤC 02 72
QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 72
PHỤ LỤC 03 73
DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH 73
PHỤ LỤC 04 75
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 75

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ

Ông	:	Nguyễn Duy Khoa	Chức vụ	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà	:	Nguyễn Hồ Nga	Chức vụ	:	Tổng giám đốc
Bà	:	Đỗ Thị Phương Lan	Chức vụ	:	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát

Tên Ngân hàng Giám sát	:	**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**
Đại diện	:	Bà Lê Mỹ Linh
Chức vụ	:	Phó Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 5259/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB (LPBA) lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do các tổ chức liên quan cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu tư được Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà Đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng Internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư" hay "Chứng chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB đại diện cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.
"Công ty Quản lý Quỹ" hay "LPBA"	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 48/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/01/2009 và và Giấy phép điều chỉnh được thay đổi tại từng thời điểm. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB được Nhà Đầu tư ủy

	thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Công ty Kiểm toán"	Là một Công ty Kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
"Dịch vụ Quản trị Quỹ"	Là dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập các báo cáo tài chính Quỹ, báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của Pháp luật; phối hợp, hỗ trợ Khách hàng cung cấp hồ sơ, chứng từ cho tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
"Đại hội Nhà Đầu tư"	Là Đại hội của Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Đại lý Chuyển nhượng"	Là Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền để quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ. Phạm vi hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Đại lý Chuyển nhượng được quy định tại Điều 41, 42, 43 của Điều lệ Quỹ.
"Đại lý Phân phối"	Là tổ chức đã ký Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ.
"Đại lý Ký danh"	Là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư tại sổ phụ.
"Điểm nhận lệnh"	Là trụ sở chính của Đại lý Phân phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, căn phòng đại diện của Đại lý Phân phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu tư.
"Điều lệ Quỹ" hay "Điều lệ"	Là Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (LPBF), bao gồm Điều lệ này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ dự thảo và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.
"Đơn vị Quỹ"	Là Vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Giá Phát hành" hay "Giá Bán"	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá Phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá Dịch vụ Phát hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.
"Giá Mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá Mua lại được xác định bằng Giá trị Tài sản

	Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ.
"Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch vụ Phát hành/Giá Dịch vụ Mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch được quy định tại Điều 61 Điều lệ Quỹ.
"Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ"	Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đã được quy định tại Điều 62 Điều lệ Quỹ.
"Giá Dịch vụ Chuyển đổi"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi chuyển đổi từ các Chứng chỉ Quỹ mở do cùng một Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển đổi.
"Giá Dịch vụ Chuyển nhượng"	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi tiến hành chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế vv…). Giá Dịch vụ Chuyển nhượng được tính theo từng lần phát sinh giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển nhượng phi thương mại.
"Hợp đồng Giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP.
"Năm Tài chính"	Là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Ngày Định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ và các ngày khác mà Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
"Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ" hay "Ngày Giao dịch"	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại và chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều 16 Điều lệ Quỹ.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện; (iii) xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP do Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của Pháp luật và (iv) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản tại Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 38 Điều lệ Quỹ.

"Nhà Đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
"Quỹ" hay "Quỹ LPBF"	Là Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (LPBF), một Quỹ đầu tư đại chúng dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư"	Là tài liệu ghi nhận thông tin về Nhà Đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
"Thời điểm Đóng Sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (ngày T-1). Thời điểm Đóng Sổ lệnh là 14h30 ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trong đó ngày giao dịch theo quy định của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong trường hợp Thời điểm Đóng Sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và Thời điểm Đóng Sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc bằng thư điện tử.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"Vốn Điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và Điều Lệ này.
"HSX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"HNX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ QUỸ TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp hiện nay vẫn là "sân chơi" chủ yếu của các định chế tài chính, các nhà đầu tư tổ chức lớn, trong khi nhà đầu tư cá nhân còn gặp nhiều rào cản khi tham gia thị trường này. Đó là các rào cản về vốn đầu tư lớn, khó khăn trong việc đáp ứng tiêu chuẩn nhà đầu tư chuyên nghiệp và thủ tục đầu tư phức tạp.

Quỹ mở trái phiếu đem tới giải pháp tối ưu giúp đại chúng hóa kênh đầu tư vào thị trường trái phiếu nhờ các ưu thế vượt trội sau:

- Vốn đầu tư linh hoạt: Phù hợp với mọi đối tượng khi chỉ cần từ một hoặc vài triệu đồng để sở hữu một danh mục trái phiếu chất lượng.
- Quản lý chuyên nghiệp: Tài sản của quỹ được quản lý và vận hành bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, giúp tối ưu hóa lợi nhuận mà không tốn công sức theo dõi thị trường.
- Thanh khoản tối ưu: Nhà đầu tư có thể dễ dàng đầu tư hoặc rút vốn thông qua việc bán lại chứng chỉ quỹ cho Công ty quản lý quỹ vào ngày giao dịch hàng ngày hoặc hằng tuần (tùy theo từng quỹ).
- Giá trị minh bạch: Giá giao dịch dựa trên Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ, phản ánh chính xác chất lượng tài sản nội tại mà quỹ đang nắm giữ, giá giao dịch không bị tác động bởi biến động cung cầu trên thị trường.
- Giảm thiểu rủi ro đầu tư: Danh mục quỹ được đa dạng hóa với nhiều loại tài sản khác nhau, giúp bảo vệ vốn tốt hơn so với đầu tư riêng lẻ.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

Tên công ty:

Tên tiếng Việt	:	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Tên Tiếng Anh	:	LPB Asset Management Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	LPBA
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số	:	48/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/3/2026
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0103401797 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 13 ngày 26/3/2026
Địa chỉ trụ sở chính:	:	Tầng 2, LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ Văn phòng đại diện	:	Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	0243 212 1616
Vốn Điều lệ	:	100.000.000.000 (Bằng chữ: một trăm tỷ đồng)
Email	:	contact@lpbam.com.vn
Website	:	www.lpbam.com.vn

1.1. Cổ đông góp vốn hiện hữu của Công ty Quản lý Quỹ:

STT	Tên cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ/tổng số cổ phần (%)
1	Nguyễn Thị Vui	81,28%
2	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	3,72%
3	Công ty Cổ phần Thaiholdings	15,00%
Tổng cộng		**100%**

1.2. Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ

Ông Nguyễn Duy Khoa
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Khoa là một chuyên gia giàu kinh nghiệm, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Thị trường Tài chính – Chứng khoán. Ông hiện đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS và đồng thời tại Công ty Cổ phần Sàn giao dịch tài sản mã hóa Sacom. Trước đó, ông Khoa từng nắm giữ nhiều vai trò quan trọng trong các định chế tài chính lớn như CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Đỏ, CTCP Chứng khoán VNDirect, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, CTCP Chứng khoán SSI, CTCP Chứng khoán KimEng và CTCP Chứng khoán Thăng Long.

Với kiến thức chuyên sâu về thị trường vốn và khả năng quản lý xuất sắc, ông Nguyễn Duy Khoa đóng vai trò trọng yếu trong việc định hình và thúc đẩy các hoạt động tài chính – đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ LPB.

Ông Khoa sở hữu bằng Cử nhân Thị trường Tài chính tại Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Thu Hường
Thành viên HĐQT

Bà Trần Thị Thu Hường là chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư tài chính, với hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc tại các định chế tài chính uy tín tại Việt Nam. Bà đã tích lũy nền tảng chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và Chứng khoán, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như: Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình, Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ LPB.

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh và Kỹ sư Kinh tế từ Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Bà Nguyễn Hồ Nga
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Hồ Nga có hơn 18 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

Trước khi gia nhập Công ty Quản lý Quỹ, bà đã tạo dựng dấu ấn tại nhiều tổ chức tài chính lớn tại Việt Nam. Bà Nga từng phụ trách xúc tiến đầu tư tại Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu Phân tích, sau đó là Giám đốc Phát triển kinh doanh tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital (nay là PVCB Capital), nơi bà đã huy động thành công các quỹ đầu tư từ các nhà đầu tư Nhật Bản. Bà cũng có nhiều năm đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư I.P.A, tại đây bà đã điều hành việc huy động vốn và quản lý hiệu quả nhiều loại hình quỹ đầu tư như quỹ cổ phiếu, quỹ trái phiếu, quỹ ETF… cùng đa dạng danh mục đầu tư với các mục tiêu khác nhau.

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính từ Đại học Bristol, Vương quốc Anh và Cử nhân Tài chính Kế toán từ Đại học New South Wales, Úc.

1.3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hồ Nga có hơn 18 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

Trước khi gia nhập Công ty Quản lý Quỹ, bà đã tạo dựng dấu ấn tại nhiều tổ chức tài chính lớn tại Việt Nam. Bà Nga từng phụ trách xúc tiến đầu tư tại Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu Phân tích, sau đó là Giám đốc Phát triển kinh doanh tại Công ty quản lý quỹ PVFC Capital (nay là PVCB Capital), nơi bà đã huy động thành công các quỹ đầu tư từ các nhà đầu tư Nhật Bản. Bà cũng có nhiều năm đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư I.P.A, tại đây bà đã điều hành việc huy động vốn và quản lý hiệu quả nhiều loại hình quỹ đầu tư như quỹ cổ phiếu, quỹ trái phiếu, quỹ ETF… cùng đa dạng danh mục đầu tư với các mục tiêu khác nhau.

Bà Nga tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Tài chính từ Đại học Bristol, Vương quốc Anh và Cử nhân Tài chính Kế toán từ Đại học New South Wales, Úc.

1.4. Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên trong Ban điều hành của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB với thông tin tóm tắt các thành viên đã trình bày ở trên.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

2.1 Tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sau kiểm toán được cập nhật cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Đơn vị: VNĐ	2022	2023	2024	2025	6T2026
Vốn Điều lệ	40.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000
Doanh thu	1.101.767.223	2.168.151.261	8.072.345.421	8.956.818.142	6.502.435.482
Lợi nhuận	(9.208.858.715)	(4.510.981.513)	1.118.034.510	115.399.502	3.627.154.491

Thành lập từ năm 2009 và được chuyển nhượng cho các cổ đông mới vào năm 2025, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (LPBA) phấn đấu trở thành Công ty quản lý quỹ và tài sản chuyên nghiệp, góp phần mang lại sự thịnh vượng bền vững cho khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, trong những năm qua, LPBA đã không ngừng đầu tư vào nâng cao tính chuyên nghiệp trong các hoạt động quản trị và nghiệp vụ chuyên môn. Tôn chỉ chung cho tất cả các hoạt động ở LPBA nói chung và hoạt động đầu tư nói riêng là đảm bảo tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật và các cam kết với khách hàng, đề cao sự minh bạch và luôn luôn chú trọng vào các hoạt động kiểm soát rủi ro. LPBA cũng không ngừng đầu tư cho đội ngũ nhân sự đáp ứng được các tiêu chuẩn hành nghề do UBCKNN quy đinh và các tiêu chuẩn chuyên môn quốc tế khác. Trong năm 2022, công ty đã dành một khoản đầu tư lớn để phát triển hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở trực tuyến và các ứng dụng giao dịch khác, hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất tới các Nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ mở do công ty quản lý.

Năm 2022, LPBA đã giành được giải thưởng Vietnam Fast Moving SME 100 do Tạp chí SME 100 Asia trao tặng cho 70 công ty quy mô vừa và nhỏ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam.

2.2 Các Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý

Quỹ đầu tư giá trị GFM1 (GFM1-VF)

GFM1-VF là Quỹ thành viên được thành lập từ 28/07/2022, với Vốn Điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. GFM1-VF hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các danh mục chứng khoán và các tài sản khác có chất lượng tín dụng và tiềm năng tăng trưởng tốt. Chiến lược đầu tư của quỹ là tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ GFM1-VF được xây dựng nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ GFM1-VF.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (LPBF)

LPBF (trước đăng ký điều chỉnh là "Quỹ Đầu tư Gia tăng Giá trị GFM" (GFM-VIF)) là Quỹ mở được thành lập từ 25/03/2024, với Vốn Điều lệ ban đầu là 50.166.065.900 đồng. LPBF hướng tới mục tiêu mang tới lợi nhuận ổn định, hấp dẫn và bền vững cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào danh mục trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, các chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)

LPLF là quỹ mở được thành lập ngày 07/5/2026, với vốn điều lệ ban đầu là 50.463.533.383 tỷ đồng. LPLF hướng tới mục tiêu tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vị thế đầu ngành, có nền tảng tài chính vững chắc, năng lực cạnh tranh bền vững và tiềm năng tăng trưởng cao, được hưởng lợi từ chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Giấy phép thành lập số	:	0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số	:	510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006
Địa chỉ trụ sở chính	:	74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	+84.243.9411846
Fax	:	+84.243.9411847
Lĩnh vực hoạt động chính	:	Huy động vốn, tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán trình Đại hội Nhà Đầu tư quyết định lựa chọn để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ được lựa chọn bao gồm:

1. Công ty cổ phần Fincorp

Địa chỉ trụ sở chính: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở số 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314127430 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 23/11/2016; chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/07/2021

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078

2. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ LPB

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 48/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/3/2026

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103401797 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 13 ngày 26/3/2026

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 2, Tòa nhà LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 212 1616

3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702 tầng 7 Tòa nhà Capital Building số 58 phố Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 50/UBCK/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung sau đó

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK ngày 24/08/2022 do UBCKNN cấp;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102122617 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2006; thay đổi lần thứ 11 ngày 12/01/2026

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Phòng 702 tầng 7 Tòa nhà Capital Building số 58 phố Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466878996

4. Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 457/GCN-UBCK ngày 02/12/2025 do UBCKNN cấp

Giấy phép thành lập: số 104/UBCK-GP ngày 12/02/2009 do UBCKNN cấp và các giấy phép sửa đổi, bổ sung sau đó

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 cấp lần đầu ngày 12/02/2009; thay đổi lần thứ 23 ngày 27/8/2026 cấp bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 7309 8198

5. Công ty Cổ phần Đầu tư VAM

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp văn phòng quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 65/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/04/2026

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109662393 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2021; thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2026

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 3, Tháp văn phòng quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 7300 2126

Trường hợp Quỹ có các Đại lý Phân phối mới (bao gồm cả Đại lý Ký danh), danh sách (các) Đại lý Phân phối này (nếu có) sẽ được cập nhật đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư

Tên tổ chức được ủy quyền	:	**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành**
Địa chỉ trụ sở chính	:	74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số	:	0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Phạm vi dịch vụ được ủy quyền	:	- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ
Giá dịch vụ	:	0,03% NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)

Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại Hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Tên tổ chức được ủy quyền	:	**Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
Quyết định thành lập số	:	26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.
Phạm vi dịch vụ được ủy quyền	:	- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở; - Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ, cập nhật sổ chính; - Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư;

- Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ : 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch >02 phiên/tuần, chưa bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch (nếu có). Ngoài ra, quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSDC theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hình thức thanh toán : Được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	:	QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	:	LP BOND FUND
Tên viết tắt:	:	LPBF
Địa chỉ liên hệ	:	Tầng 2, Tòa nhà LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ VPĐD	:	Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	0243 212 1616
Email	:	contact@lpbam.com.vn
Website	:	www.lpbam.com.vn

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số: 382/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 06/11/2023.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ

Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số: 25/GCN-UBCK ngày 25/03/2024.

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu LP là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB quản lý trong suốt thời gian hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

Quỹ tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phát hành theo yêu cầu của Nhà Đầu tư vào Ngày Giao dịch. Quỹ không giới hạn về thời gian hoạt động.

1.5. Ban Đại diện Quỹ:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt *Thành viên độc lập* *Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ*	Bà Nguyễn Thị Nguyệt có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật liên quan tới thị trường chứng khoán. Bà Nguyệt có nhiều năm kinh nghiệm trong phụ trách quản lý, điều phối và triển khai các hoạt động pháp lý trọng yếu, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc tư vấn pháp chế, Chuyên gia Pháp chế lần lượt tại Công ty TNHH chứng khoán ACB và Công ty cổ phần Chứng khoán LPS.

	Bà Nguyệt tốt nghiệp Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh và có bằng Thạc sỹ Luật Kinh doanh do Học viện Khoa học Xã hội cấp.
Bà Trần Lan Hương *Thành viên độc lập* *Thành viên Ban Đại diện Quỹ*	Bà Trần Lan Hương có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán. Bà có nhiều năm kinh nghiệm công tác tại các vị trí Kế toán trưởng, Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt, Công ty Cổ phần chứng khoán Liên Việt, Công ty Cổ phần chứng khoán LPS. Bà Hương tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán và có bằng Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý, Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng cấp bởi Đại học Kinh tế TP.HCM.
Bà Vũ Thị Thúy Hằng *Thành viên độc lập* *Thành viên Ban Đại diện Quỹ*	Bà Vũ Thúy Hằng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý đầu tư. Bà từng công tác nhiều năm tại Công ty Chứng khoán CIMB Việt Nam, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-Ichi Life Việt Nam, Quỹ đầu tư Phillip Capital Thái Lan, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, Công ty Cổ phần chứng khoán LPS. Bà Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM và có bằng MBA do Open University Malaysia cấp; CFA level 2 bởi CFA Institute. Bà hiện đã có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp bởi UBCKNN.

1.6. Người Điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Hồ Nga *Tổng Giám đốc*	Thông tin tóm tắt về Bà Nguyễn Hồ Nga được trình bày tại phần giới thiệu Ban Điều hành.
Ông Trịnh Mạnh Cường *Trưởng Bộ phận Đầu tư*	Ông Trịnh Mạnh Cường sở hữu hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính, hiện đang nắm giữ vị trí Trưởng Bộ phận Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB. Với chuyên môn sâu rộng và khả năng phân tích nhạy bén, ông Cường đóng vai trò nòng cốt trong các chiến lược đầu tư của công ty. Trước khi gia nhập Công ty Quản lý Quỹ, ông đã tích lũy kinh nghiệm tại các tổ chức tài chính uy tín như Bộ phận Đầu tư của Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel và Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư I.P.A. Ông Cường đã trực tiếp tham gia quản lý và điều hành các quỹ mở và các danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, thể hiện năng lực vượt trội trong việc tối ưu hóa danh mục đầu tư. Ông Cường đã đạt CFA Level 2 và có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ cấp bởi UBCKNN.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ được tóm tắt tại Phụ lục 01 đính kèm Bản cáo bạch này. Nhà Đầu tư cần lưu ý rằng các nội dung tại Phụ lục 01 là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ. Để có thông tin đầy đủ, Nhà Đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ LPBF. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ thì sẽ vận dụng nội dung của Điều lệ Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được bất kỳ một sự cam kết bảo lãnh bởi một tổ chức nào, cũng như không có bất kỳ sự cam kết chắc chắn nào từ Công ty Quản lý Quỹ rằng Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Do đó, các Nhà Đầu tư tiềm năng nên cân nhắc thật kỹ những yếu tố rủi ro của Quỹ, cùng với các thông tin được đề cập trong Bản cáo bạch này. Phải thừa nhận rằng, Công ty Quản lý Quỹ đã tối thiểu hóa rủi ro bằng một danh mục đầu tư đa dạng, nhưng vẫn có những rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ sau đây:

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hoặc toàn bộ trong một khoảng thời gian, dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường và sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Rủi ro này xuất phát từ những biến động chung của toàn nền kinh tế, chính trị xã hội, đe dọa tất cả các ngành nghề kinh tế, từ đó gây ra sự biến động của toàn thị trường chứng khoán, không loại trừ bất kỳ công cụ đầu tư nào. Rủi ro này mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý Quỹ. Rủi ro này có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, hoặc cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đã đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi của cung cầu tiền tệ cùng nhiều yếu tố vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài, và ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu.Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất của từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3 Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị của mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu được nhận hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu được rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi. Lạm phát sẽ gây ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu và có thể được hạn chế bằng cách Quỹ khi đầu tư sẽ phân bổ vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.

3.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của Nhà Đầu tư trong một Ngày Giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do NAV của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán/lệnh chuyển đổi vượt mức rút vốn tối đa theo quy định của Pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu tư không thể thực hiện được lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữa một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể được tiên lượng một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và sẽ không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.

3.5 Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển và khung pháp lý về chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện. Những sự thay đổi về khung pháp lý trong thời gian hoạt động của Công ty là không thể tránh khỏi và có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động

của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư tối ưu nhất.

3.6 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý Quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý Quỹ điều hành. Công ty Quản lý Quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập quy chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ, quy trình đầu tư cũng như bộ phận quản lý danh mục đầu tư riêng biệt cho từng Quỹ nhằm hạn chế xung đột lợi ích giữa các Quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của Ngân hàng Giám sát cũng sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này.

3.7 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là những rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách Công ty Quản lý Quỹ sẽ áp dụng các cơ chế chọn lọc và chỉ tiến hành giao dịch đối với các đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn.

Đối với cổ phiếu, Quỹ mở sẽ chỉ giao dịch các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; việc giao dịch mua bán được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của Pháp luật, để đảm bảo các số dư của các bên liên quan đầy đủ và đúng luật.

Đối với trái phiếu, Quỹ chỉ đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, quỹ sẽ ưu tiên các doanh nghiệp được xếp hạng tín nhiệm bởi các đơn vị có uy tín.

3.8 Rủi ro biến động giá thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị các khoản đầu tư của Quỹ. Rủi ro này được hạn chế khi Quỹ lựa chọn đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên có mức biến động ít hơn thị trường. Ngoài ra, danh mục đầu tư của Quỹ cũng sẽ được tạo lập để làm giảm ảnh hưởng và sự phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

3.9 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá. Quỹ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá của Nhà Đầu tư nước ngoài mua Chứng chỉ Quỹ bằng đơn vị tiền tệ duy nhất của Quỹ là đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu tư nước ngoài cần tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này. Rủi ro này sẽ được hạn chế bằng việc Công ty Quản lý Quỹ sẽ tăng cường giám sát, phân tích các công ty có hoạt động đầu tư kinh doanh có rủi ro về tỷ giá trong danh mục đầu tư của Quỹ.

3.10 Rủi ro hạn chế đầu tư

Rủi ro hạn chế đầu tư là rủi ro về hạn chế trong số lượng, chủng loại, tần suất, tính đa dạng của các công cụ đầu tư và sản phẩm đầu tư trên thị trường, do đó Công ty Quản lý Quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược đầu tư đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về các rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Các Nhà Đầu tư tiềm năng cần cân nhắc kỹ hoặc tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn trước khi quyết định đầu tư.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ LPBF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1.1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021;

1.2. Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và có hiệu lực ngày 01/01/2025;

1.3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.4. Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025;

1.5. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.6. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025;

1.7. Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.8. Nghị định 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi theo Nghị định 128/2021/NĐ-CP) và Nghị định 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09/01/2026;

1.9. Thông tư 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 26/11/2024;

1.10. Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và Chứng chỉ Quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;

1.11. Thông tư 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;

1.12. Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực ngày 02/11/2024;

1.13. Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi theo Thông tư 68/2024/TT-BTC, có hiệu lực ngày 05/05/2025;

1.14. Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính quy định về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 15/11/2012;

1.15. Thông tư 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.16. Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.17. Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12/02/2026;

1.18. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

1.19. Các văn bản luật khác có liên quan, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của những quy định nói trên.

2. Các điểm chính của đợt phát hành lần đầu (IPO):

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 382/GCN-UBCK ngày 06/11/2023 bởi UBCKNN, đã đáp ứng các điều kiện lập quỹ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 25/GCN-UBCK vào ngày 25/03/2024.

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo

3.1 Các quy định chung về giao dịch

Thời gian giao dịch sau đợt phát hành lần đầu	:	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và được quy định chi tiết tại Điều lệ Quỹ
Ngày Giao dịch	:	Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc bằng thư điện tử.
Giá Phát hành	:	là mức giá mà Nhà Đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Chứng chỉ Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch vụ Phát hành (nếu có).
Giá Mua lại	:	là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch vụ Mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
Giá Dịch vụ Phát hành	:	Miễn phí (0%) cho tất cả các giao dịch
Giá Dịch vụ Mua lại	:	Giá Dịch vụ Mua lại không vượt quá 3% giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định;
Giá Dịch vụ Chuyển đổi	:	0 % áp dụng cho tất cả các giao dịch chuyển đổi
Giá Dịch vụ Chuyển nhượng phi thương mại	:	200.000 (hai trăm nghìn) đồng cho mỗi lần giao dịch
Giá trị/số lượng tối thiểu các lệnh giao dịch	:	Lệnh mua: 10.000 (mười nghìn) đồng Lệnh bán: 2 (hai) Đơn vị Quỹ Lệnh chuyển đổi: 1 (một) Đơn vị Quỹ

		Đầu tư định kỳ: 100.000 (một trăm nghìn) đồng đối với sản phẩm Đầu tư định kỳ linh hoạt 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đối với sản phẩm Đầu tư định kỳ theo tháng
Số dư tài khoản tối thiểu	:	1 (một) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp Nhà Đầu tư bán Chứng chỉ Quỹ dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số dư tối thiểu thì số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại đó sẽ được tự động bán hết tại Ngày giao dịch của kỳ giao dịch mà Nhà Đầu tư đặt lệnh bán.
Thời điểm Đóng Sổ lệnh	:	14h30 ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp Thời điểm Đóng Sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó.
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà Đầu tư	:	Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư vào sổ chính và Nhà Đầu tư sẽ nhận được bản xác nhận kết quả giao dịch.
Thời hạn thanh toán tiền bán	:	Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Quỹ LPBF sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của Nhà Đầu tư hoặc đại lý ký danh bằng tiền Việt Nam Đồng hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu tư chỉ định sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp Quỹ thanh toán cho Đại lý Ký danh thì Đại lý Ký danh sẽ có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng Nhà Đầu tư theo thỏa thuận giữa Nhà Đầu tư và Đại lý Ký danh trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán từ Công ty Quản lý Quỹ. Việc chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư thông qua tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu tư chỉ định được áp dụng khi Nhà Đầu tư sử dụng tài khoản ví điện tử (hoặc tài khoản liên kết ví điện tử, tài khoản định danh của Nhà đầu tư) tại công ty có giấy phép cung cấp dịch vụ ví điện tử hoặc dịch vụ trung gian thanh toán để nhận tiền. Trường hợp tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ được thanh toán vào tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu tư chỉ định, Nhà Đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin với Đại lý Phân phối nơi Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu một (01) ngày làm việc.
Tần suất giao dịch của Quỹ	:	Hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng theo quy định của pháp luật.

Phương thức giao dịch	:	Nhà Đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý Phân phối. Đối với Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở cần mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối. Nhà Đầu tư cũng có thể đặt lệnh qua phương thức giao dịch điện tử tuân theo quy định của Pháp luật hiện hành. Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh tại hơn một Đại lý Phân phối, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý Phân phối mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của Nhà Đầu tư tại các Đại lý Phân phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà Đầu tư có thể nộp các Phiếu lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho tài khoản mở tại một Đại lý Phân phối tại bất kỳ địa điểm nhận lệnh nào của Đại lý Phân phối đó. Nhà Đầu tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở, và phải điền thông tin người được ủy quyền vào "Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở" và cung cấp Giấy ủy quyền hợp lệ. Người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà Đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại Đại lý Phân phối.
Hủy lệnh giao dịch	:	Lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ chỉ được hủy trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh. Nhà Đầu tư thực hiện hủy lệnh tại Đại lý Phân phối mà Nhà Đầu tư đã đăng ký giao dịch. Trong trường hợp Nhà Đầu tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của Nhà Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.
Giao dịch Chuyển đổi Quỹ	:	Nhà Đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng chỉ Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.
Địa điểm phát hành và các Đại lý Phân phối	:	Chứng chỉ Quỹ LPBF được phát hành lần đầu thông qua các Đại lý Phân phối. Danh sách, địa chỉ các Điểm Nhận lệnh của Đại lý Phân phối được liệt kê ở Phụ lục 04 của Bản cáo bạch này.

3.2 Thực hiện mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản

a) Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của Nhà Đầu tư, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

b) Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

(i) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng 05% (năm phần trăm) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc

(ii) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu tư dẫn tới:

- Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư cho đến khi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bằng đúng 50 (năm mươi) tỷ đồng; hoặc
- Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc
- Giá trị Tài sản Ròng còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá trị Tài sản Ròng tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc
- Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch;
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

(iii) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu tư không thể thực hiện được do: Tính thanh khoản của thị trường thấp; và/hoặc một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

c) Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán/chuyển đổi theo quy định nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, theo đó:

(i) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch trong một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch;

(ii) Phần còn lại của lệnh bán/chuyển đổi chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy;

(iii) Trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần quy định về số dư Chứng chỉ Quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.

d) Chứng chỉ Quỹ cũng có thể bị tạm ngừng giao dịch trong một hoặc nhiều Ngày giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

(i) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

(ii) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

(iii) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.

e) Công Ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt;

f) Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu tư tùy vào tình hình thực tế nhưng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.

g) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

h) Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà Đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Công ty Quản lý Quỹ có thể áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đảm bảo các nguyên tắc:

- Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức

phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể được Đại hội Nhà đầu tư giao cho Ban Đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ.

- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là 3% (ba phần trăm). Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối.
- Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ và thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
- Công ty Quản lý Quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Công ty Quản lý Quỹ, thông báo tới Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của Quỹ chấm dứt.
- Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

3.3 Các hình thức tham gia vào quỹ

a. Hình thức đầu tư thông thường

Nhà Đầu tư có thể tham gia vào Quỹ khi có nhu cầu đầu tư phát sinh trong bất kỳ kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ nào. Nhà Đầu tư đặt lệnh giao dịch tại điểm nhận lệnh của Đại lý Phân phối cho kỳ giao dịch muốn thực hiện đầu tư hoặc tự đặt lệnh đầu tư qua phương thức giao dịch điện tử.

(i) Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ

- Giá trị mua tối thiểu một lần giao dịch: 10.000 (mười nghìn) đồng
- Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau ngày T-1 sẽ được coi là tiền mua Đơn vị Quỹ của Ngày Giao Dịch tiếp theo.
- Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác số tiền ghi trên Lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối căn cứ trên số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.
- Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\textit{Số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối} = \frac{\textit{Số tiền đăng ký mua} * (1 - \textit{Giá Dịch vụ Phát hành (\%)})}{\textit{NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch}}$$

- Số lượng Đơn vị Quỹ có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư.
- ***Các trường hợp mua không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ quỹ:***
  - Lệnh mua được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh;
  - Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được Nhà đầu tư/Người được ủy quyền hợp lệ thanh toán đúng thời hạn quy định nhưng Nhà Đầu tư không ghi Phiếu đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý Phân phối hoặc không đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ qua phương thức giao dịch điện tử;
  - Hết ngày T-1, Quỹ không nhận được tiền thanh toán của Nhà Đầu tư hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ đã được thanh toán vào tài khoản của Quỹ nhưng nội dung chuyển tiền không đúng

với cú pháp theo hướng dẫn của Công ty Quản lý Quỹ dẫn đến việc mua Chứng chỉ Quỹ không thành công;

- Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu theo quy định;
- Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch gần nhất trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ theo yêu cầu của Nhà Đầu tư gửi tới Công ty Quản lý Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền.

  Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

(ii) Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Nhà Đầu tư đặt bán bằng số lượng Đơn vị Quỹ muốn bán.
- Số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu 1 lần giao dịch bán: Không được thấp hơn 02 (hai) Đơn Vị Quỹ.
- Số lượng Đơn vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Số tiền Nhà Đầu tư nhận được được tính theo công thức sau:

Giá trị Bán được nhận = *Số lượng Đơn vị Quỹ được mua lại * NAV của Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch * (1 - Giá Dịch vụ Mua lại (%))*

- Số tiền Nhà Đầu tư nhận được sẽ bằng Giá trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ này.
- Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Bản cáo Bạch này.
- Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần thì quy định về số lượng tối thiểu của mỗi lần giao dịch và số dư tối thiểu duy trì tài khoản không áp dụng.
- Tiền bán Chứng chỉ Quỹ được chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Nhà Đầu tư đăng ký tại "Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở" chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ làm tròn đến hàng đơn vị.
- Phí chuyển khoản sẽ được trừ vào số tiền bán Chứng chỉ Quỹ này. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ thuế thu nhập theo quy định của pháp luật.
- ***Trường hợp bán không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ:***
  - Lệnh bán được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
  - Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

(iii) Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:

- Nhà Đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các quỹ mở do Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.
- Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới Đại lý Phân phối trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
- Nhà Đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi không thấp hơn 01 (một) Chứng chỉ Quỹ. Trong

trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sau khi chuyển đổi thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản thì số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang Chứng chỉ Quỹ quỹ mục tiêu.

- Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi: Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu. Các lệnh được thực hiện tại các Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.
- Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu. Nhà Đầu tư thanh toán phí chuyển đổi mà không phải thanh toán Giá Dịch vụ Phát hành và Giá Dịch vụ Mua Lại trên số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán Giá Dịch vụ Chuyển đổi, phí chuyển tiền và thuế (nếu có) theo quy định mà không phải thanh toán Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại đối với các lệnh chuyển đổi.
- Nhà Đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu.
- Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại Bản cáo bạch này.
- ***Trường hợp chuyển đổi không hợp lệ tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ:***
  - Lệnh chuyển đổi được gửi tới Đại lý Phân phối sau Thời điểm Đóng Sổ lệnh.
  - Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ đang sở hữu.

b. Hình thức đầu tư định kỳ (SIP)

- Hình thức đầu tư định kỳ có hai loại: Đầu tư định kỳ hàng tháng (SIP tháng) và Đầu tư định kỳ linh hoạt (SIP LH).
- Đăng ký tham gia: Nhà Đầu tư đăng ký tham gia vào Quỹ qua hình thức Đầu tư định kỳ bằng cách điền thông tin vào phiếu "Thỏa thuận đầu tư định kỳ" theo mẫu và chuyển tới Đại lý Phân phối hoặc đặt lệnh tham gia vào Quỹ qua hình thức Đầu tư định kỳ qua phương thức giao dịch điện tử.
- Giá Dịch vụ khi chấm dứt đầu tư định kỳ (SIP): Trong trường hợp Nhà Đầu tư chấm dứt đầu tư định kỳ, Nhà Đầu tư sẽ phải chịu thêm Giá Dịch vụ chấm dứt SIP là 0,1% (không phẩy một phần trăm) của giá trị Chứng chỉ Quỹ đầu tư định kỳ bán/chuyển đổi ngoài Giá Dịch vụ Mua lại/ Giá Dịch vụ Chuyển đổi thông thường.

(i) Hình thức Đầu tư định kỳ hàng tháng:

- Thời gian tham gia tối thiểu: 12 (mười hai) kỳ thanh toán liên tục. Chương trình sẽ duy trì liên tục cho đến khi Nhà Đầu tư chấm dứt chương trình.
- Số tiền tối thiểu: 200.000 VNĐ (hai trăm nghìn) đồng/tháng
- Thời gian thanh toán: Thời hạn cuối cùng Quỹ nhận tiền thanh toán là Thời điểm Đóng Sổ lệnh ngày mùng 10 (Mười) hàng tháng. Trường hợp ngày mùng 10 (Mười)rơi vào ngày nghỉ lễ, thời hạn cuối cùng Quỹ nhận tiền thanh toán của Nhà Đầu tư là Thời điểm Đóng Sổ lệnh ngày làm việc gần nhất trước ngày mùng 10 (Mười);
- Ngày thực hiện giao dịch: Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ sẽ được thực hiện tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất sau ngày mùng 10 (Mười)hàng tháng;
- Ngày bắt đầu tham gia vào Quỹ qua chương trình Đầu tư định kỳ: là ngày thực hiện giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ đầu tiên qua hình thức Đầu tư định kỳ.
- Chấm dứt Đầu tư định kỳ: Hình thức Đầu tư định kỳ được coi là chấm dứt khi Nhà Đầu tư không thanh toán đủ số tiền đã đăng ký đúng thời hạn thanh toán hoặc bán hoặc chuyển đổi sang quỹ khác số Chứng chỉ Quỹ đã mua theo hình thức Đầu tư định kỳ trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia theo hình thức đầu tư này.

- Trường hợp Nhà Đầu tư chuyển nhượng phi thương mại Chứng chỉ Quỹ, Giá Dịch vụ chấm dứt SIP sẽ áp dụng và được thanh toán tại thời điểm chuyển đổi hoặc chuyển nhượng. Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng sẽ trở thành Chứng chỉ Quỹ thông thường và người nhận chuyển nhượng có thể tự do giao dịch số Chứng chỉ Quỹ này.

(ii) Hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt

- Thời gian tham gia tối thiểu: không giới hạn thời gian duy trì tối thiểu.
- Số tiền tối thiểu: 100.000 (một trăm nghìn) đồng.
- Tần suất tham gia: hàng tháng.
- Số tiền tham gia: Sản phẩm không yêu cầu Nhà Đầu tư cố định số tiền tham gia qua các kỳ. Nhà Đầu tư có thể tham gia số tiền bất kỳ lớn hơn hoặc bằng số tiền tham gia tối thiểu, số tiền này có thể thay đổi theo kỳ tham gia của Nhà đầu tư.
- Thời gian thanh toán Đầu tư định kỳ linh hoạt: là thời điểm Nhà Đầu tư thực hiện chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát. Ngày thanh toán có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trước Thời Điểm Đóng Sổ lệnh của Ngày Giao dịch cuối cùng trong tháng. Trong trường hợp thời điểm thanh toán sau Thời Điểm Đóng Sổ lệnh của Ngày Giao dịch cuối cùng trong tháng, số tiền thanh toán này sẽ tự động được chuyển sang Ngày Giao dịch định kỳ kế tiếp, trừ trường hợp Nhà Đầu tư gửi chỉ thị đến Đại lý Phân phối và/hoặc Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu hoàn trả lại khoản thanh toán này.
- Ngày giao dịch (Ngày T): là Ngày Giao dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được lệnh mua và tiền đầu tư định kỳ hợp lệ thanh toán mua SIP Linh Hoạt của Nhà Đầu tư (như vậy kỳ giao dịch nào cũng có thể là kỳ SIPLH) hoặc Lệnh bán từ Nhà Đầu tư.
- Số lệnh được khớp trong tháng: 01 (Một) lệnh/tháng, khớp cho tổng số tiền mua trong một kỳ giao dịch mà Quỹ nhận được sớm nhất trong tháng.
  - Trường hợp Nhà đầu tư thanh toán tiền đầu tư định kỳ nhiều hơn một lần trong tháng, Lệnh mua sẽ khớp cho toàn bộ số tiền mà Quỹ nhận được trước Thời điểm Chốt Sổ lệnh của kỳ giao dịch gần nhất trong tháng. Các khoản tiền mà Quỹ nhận được sau Thời điểm Chốt Sổ lệnh của kỳ giao dịch gần nhất trong tháng sẽ được Công ty Quản lý Quỹ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch gần nhất trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ theo yêu cầu của Nhà Đầu tư gửi tới Công ty Quản lý Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền.
  - Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả Nhà Đầu tư trong vòng năm 05 (năm) làm việc kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng.
  - Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.
- Chấm dứt tham gia Đầu tư định kỳ linh hoạt: Hình thức Đầu tư định kỳ linh hoạt được coi là chấm dứt sau 02 (hai) tháng tính từ ngày Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch mua cuối cùng.

3.4 Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế ...)

a. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại Đại lý Phân phối;

b. Nhà Đầu Tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý Phân phối trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh của mỗi kỳ giao dịch.

c. Giá Dịch vụ Chuyển nhượng phi thương mại: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/lần chuyển nhượng

d. Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

4 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.1 Tần suất xác định giá trị tài sản ròng: Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định hàng ngày vào các Ngày Định giá. Ngày Định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

4.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

a) Giá trị Tài sản Ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản do Quỹ LPBF trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản và tổng nợ của Quỹ được xác định theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

b) Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các quy định được áp dụng. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại sổ tay định giá hoặc được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.

c) Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều lệ và phù hợp với các quy định của UBCKNN. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác nhận Giá trị tài sản ròng thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.

d) Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định Giá trị Tài sản Ròng (bao gồm tổng nợ và tổng tài sản) của quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, đảm bảo Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.

4.3 Công bố giá trị tài sản ròng:

a. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.

b. Trong trường hợp Giá trị Tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai, trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi phát hiện Giá trị Tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng

c. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản Ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.

d. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của quỹ giảm xuống dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

5 Thông tin hướng dẫn tham gia vào Quỹ đầu tư

Việc đầu tư vào Quỹ được thực hiện theo Quy trình và các hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định chi tiết tại Phụ lục 03 của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ công bố định kỳ theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính bán niên/ năm được soát xét/ kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập. Nhà Đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất.

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (cập nhật hằng năm)

Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ được công bố và cập nhật trong các báo cáo hoạt động định kỳ hàng tháng, quý, năm của Quỹ theo quy định của pháp luật. Nhà Đầu tư có thể tham khảo báo cáo hoạt động định kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo hoạt động gần nhất của Quỹ.

3. Giá dịch vụ, phí và phân phối lợi nhuận

3.1 Các loại Giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả

a. Giá Dịch vụ Phát hành (trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu, tại các lần giao dịch tiếp sau, khi tham gia chương trình Đầu tư định kỳ): miễn phí (0%).

b. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ theo thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch.

Nhà Đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.

c. Giá dịch vụ Chuyển Đổi: 0% áp dụng cho tất cả các giao dịch chuyển đổi.

d. Giá Dịch vụ Chuyển Nhượng phi thương mại: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/lần chuyển nhượng.

e. Phí phạt khi chấm dứt chương trình Đầu tư định kỳ trước thời hạn: 0,1% (không phẩy một phần tram) giá trị Chứng chỉ Quỹ đầu tư định kỳ bán hoặc chuyển đổi.

f. Thanh toán Giá dịch vụ: Các khoản Giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối. Phần thanh toán cho Đại lý Phân phối sẽ được tính trên Hợp Đồng Đại lý Phân phối được ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối. Ngân hàng Giám sát, Lưu ký sẽ chuyển trả trực tiếp phần phí này cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chỉ thị thanh toán của Quỹ.

3.2 Các loại Giá dịch vụ do Quỹ trả

a. Giá dịch vụ quản lý Quỹ: Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ là 1,2% (một phẩy hai phần trăm) NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ và giá các dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ngân hàng Giám sát và trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.

b. Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ: 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có).

c. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng: 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần, chưa bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch (nếu có).

d. Giá dịch vụ giám sát 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (Tối thiểu: 5.000.000 đồng /tháng);

e. Giá dịch vụ lưu ký 0,05% (không phẩy không năm phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng), Mức giá này chưa bao gồm Phí giao dịch chứng khoán vv…;

f. Các loại giá dịch vụ khác (giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá ...): theo báo giá của các đơn vị cung cấp tại từng thời điểm, được phê duyệt bởi Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ.

3.3 Thưởng hoạt động

(không áp dụng)

3.4 Thuế

a. Các loại thuế do Nhà Đầu tư trả và do Quỹ trả liên quan đến việc nhận cổ tức và bán các Đơn vị quỹ sẽ theo quy định của pháp luật.

b. Nhà Đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

3.5 Các loại chi phí khác

a. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;

b. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;

c. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chdính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư (không bao gồm chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối tự chi trả);

d. Chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại diện;

e. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

f. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;

g. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

h. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ;

i. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại diện Quỹ quyết định; phù hợp với quy định của pháp luật;

j. Chi về bảo hiểm (nếu có);

k. Phí nộp cơ quan quản lý khi xin chứng nhận IPO và chứng nhận đăng ký thành lập quỹ

l. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;

m. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

n. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý Phân phối sau khi các giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, đảm bảo tính chính xác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

a. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:

b. Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

$$\textit{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\textit{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 100\%}}{\textit{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm}}$$

Giá trị Tài Sản ròng trung bình trong năm là Tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định giá chia cho số Ngày Định giá Chứng chỉ Quỹ trong năm.

c. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\textit{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\textit{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 365 x 100\%}}{\textit{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

a. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\textit{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\textit{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100\%}}{\textit{2 x Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong năm}}$$

b. Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\textit{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\textit{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100\% x 365}}{\textit{2 x Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ

5.1 Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua;

5.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ;

5.3 Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư nếu:

a. Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư được trích từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều Lệ quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận;

c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;

d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

5.4 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.

5.5 Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày chốt quyền mới được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

5.6 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);

b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

c. Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);

d. Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

e. Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi phân chia;

f. Các yêu cầu khác theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Các báo cáo hoạt động của Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho Nhà Đầu tư tại văn phòng Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc tại các Đại lý Phân phối của Quỹ.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều lệ, pháp luật và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư, quản lý một cách công bằng, minh bạch và liêm chính đối với tất cả các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý bằng cách:
   1.1. Tách biệt các chiến lược đầu tư và mục tiêu của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
   1.2. Tách bạch giữa tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với các tài sản của Quỹ và tài sản của Nhà Đầu tư ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; và
   1.3. Tách biệt tài sản giữa các Quỹ được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, thành viên ban kiểm soát, người giám sát tuân thủ, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch theo đúng quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Báo cáo cho Nhà đầu tư

Hàng tháng, quý, năm Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các bao cáo khác theo luật định cho Nhà đầu tư.

2. Báo cáo Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các thông tin sau:

2.1 Điều lệ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

2.2 Báo cáo hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định;

2.3 Báo cáo thống kê phí giao dịch của hoạt động đầu tư của Quỹ hàng năm và bán niên; và

2.4 Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu của UBCKNN quy định.

3. Báo cáo bất thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ hay sau các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ.

4. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Nhà đầu tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại lý Phân phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Nhà Đầu tư có thể liên hệ Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các Đại lý Phân phối của Công ty Quản lý Quỹ để được giải đáp các thắc mắc liên quan tới Quỹ và hoạt động của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số 17 phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0243 212 1616

Hoặc

Công ty cổ phần Fincorp
176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078

Hoặc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay
Phòng 702 tầng 7 Tòa nhà Capital Building số 58 phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 02466878996 Fax:

Hoặc

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS
Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 7309 8198

Hoặc

Công ty Cổ phần Đầu tư VAM
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp văn phòng quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 7300 2126

Danh sách các Đại lý Phân phối mới (nếu có) của Quỹ sẽ được cập nhật kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1: Điều lệ Quỹ tóm tắt;
2. Phụ lục 2: Quy trình và các hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
3. Phụ lục 3: Danh sách các Đại lý Phân phối và Điểm nhận Lệnh.
4. Phụ lục 4: Biểu mẫu Đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**	**TỔNG GIÁM ĐỐC** **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
S.G.P : 98 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI	
NGUYỄN DUY KHOA	**NGUYỄN HỒ NGA**

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp;

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký giám sát của Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty cổ phần Quản lý Quỹ LPB và các quy định về Ngân hàng giám sát trong Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH
TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 01
TÓM TẮT NỘI DUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ đầu tư Trái phiếu LP (LPBF) gồm 14 chương, 71 điều và 03 Phụ lục, gồm những nội dung chính sau:

I. Chương I. Các điều khoản chung:

Chương này gồm 7 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên quỹ và địa chỉ liên hệ, thời gian hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, tổng số vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán, đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ, các thông tin về Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Trong đó có các nội dung chính sau:

1. Quỹ Đầu tư Trái phiếu LPlà Quỹ đầu tư đại chúng dạng mở. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác nhau theo Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.
3. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động
4. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chứng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam, số vốn này được chia thành tối thiểu 5.000.000 Đơn vị Quỹ.
5. Mệnh giá của một Đơn vị Quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam (Bằng chữ: Mười nghìn đồng Việt Nam).
6. Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng chia cho tổng số Đơn vị Quỹ tại thời điểm đó.

II. Chương II. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 8 đến Điều 12, cung cấp các thông tin liên quan đến mục tiêu, chiến lược, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động cho vay, vay, giao dịch ký quỹ, phương pháp lựa chọn đầu tư.

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ LPBF là mang tới lợi nhuận ổn định, hấp dẫn và bền vững cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào danh mục trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, các chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác.

Quỹ ưu tiên phân bổ đầu tư vào trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao, là các tài sản có thanh khoản tốt nhằm tạo ra lợi nhuận vượt trội mức lãi suất gửi ngân hàng, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho Nhà đầu tư.

Dựa trên đánh giá thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu, Công ty Quản lý Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu, các công cụ nợ khác và duy trì tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp để vừa tối ưu lợi nhuận cho Quỹ, vừa đảm bảo khả năng thanh toán của Quỹ.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quỹ không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, linh hoạt lựa chọn các ngành nghề tiềm năng phụ thuộc vào xu hướng và tình hình cụ thể của thị trường, các kết quả phân tích và đánh giá của đội ngũ đầu tư.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

3.1 Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

3.2 Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật có liên quan;

3.3 Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

3.4 Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

3.5 Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC) tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 (hai) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 (một) trái phiếu hoặc cùng 01 (một) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC).

3.6 Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (khi Ban Điều hành quỹ đáp ứng điều kiện hành nghề chứng khoán phái sinh) và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

3.7 Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

3.8 Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

4. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm 3.1, 3.2, Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

5. Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản theo quy định tại điểm 3.5, Khoản 3 Điều này phải đáp ứng điều kiện sau:

5.1 Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.

5.2 Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

5.3 Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;

5.4 Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng,

cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Hạn chế đầu tư của Quỹ

1.1. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm 3.1 và 3.2 Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

1.2. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

1.3. Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm Khoản 3.1, 3.2, 3.4, 3.5, 3.6 và 3.6 8 Khoản 3 Điều 9, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC); phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;;

1.4. Không được đầu tư quá mười phần trăm 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm Khoản 3.5 Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, trong đó, không được đầu tư quá 05% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 (ba) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Khoản 3.5 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Khoản 3.5 Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Khoản 3.5 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

1.5. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

1.6. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;

1.7. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

1.8. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

1.9. Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ 80% (tám mươi phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

1.10. Không được đầu tư quá 05% (năm phần trăm) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

2. Trừ trường hợp được quy định tại điểm 1.5, 1.6 và 1.8 Khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:

2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;

2.3. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

2.4. Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;

2.5. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh các sai lệch do các nguyên nhân quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Đồng thời, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

4. Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và đảm bảo các nguyên tắc sau:

5.1 Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

5.2 Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

5.3 Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam xác nhận;

5.4 Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;

2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư . Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán;

4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đưa ra các phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp, tuân thủ các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11 Điều lệ này, các quy định khác tại Điều lệ này và các quy định của Pháp luật.

2. Các phương pháp đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các phương pháp sau:

Áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-down) thông qua phân tích từ vĩ mô tổng quan nền kinh tế, chính sách tài chính, tính thanh khoản của các loại hình tài sản và các kỳ hạn để đưa ra phận bổ tài sản phù hợp với từng giai đoạn.

Sử dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (Bottom-up) làm nguyên tắc chủ đạo nhằm thẩm định tổ chức phát hành, từ đó lựa chọn đầu tư vào trái phiếu hoặc chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức phát hành có tình hình tài chính, lịch sử tín dụng và phương án sử dụng vốn tốt.

III. Chương III. Nhà Đầu tư, Sổ đăng ký Nhà Đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Chương này gồm 7 Điều, từ Điều 13 đến Điều 19, cung cấp các quy định về Nhà Đầu tư; quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư; Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư; Giao dịch Chứng chỉ Quỹ; mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; Giá Phát hành, Giá Mua lại và thừa kế Chứng chỉ Quỹ.

Trong đó các nội dung chính sau:

Điều 13. Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1.1. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;

1.2. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;

1.3. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;

1.4. Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

1.5. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

1.6. Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

1.7. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

1.8. Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

1.9. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;

1.10. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

1.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

2. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

2.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

2.2. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;

b) Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

2.3. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;

2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

2.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

3. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang Lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát.

Điều 15. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư chính (sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;

2.2 Tổng số Chứng chỉ Quỹ do Quỹ phát hành

2.3 Đối với Nhà Đầu tư:

a) Cá nhân: Họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc; số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có); Số tài khoản, hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);

b) Tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); điện thoại, fax, email (nếu có); thông tin về người đại diện pháp luật và người được ủy quyền (bao gồm thông tin như với Nhà Đầu tư cá nhân nêu trên); Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có), số tài khoản của Nhà Đầu tư hoặc số tiểu khoản

kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);

2.4 Số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; tổng số vốn góp; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

2.5 Ngày lập Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư và ngày cập nhật các thông tin thay đổi được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản Ký danh.

4. Thông tin về Nhà Đầu tư tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư đó. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

5. Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Quy định về thời điểm giao dịch lần đầu sau IPO, tần suất giao dịch của Quỹ, các hướng dẫn chi tiết về Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi và các Giao dịch phi thương mại.

Các thông tin chính như sau:

1. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch lần đầu trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch

2. Tần suất giao dịch của Quỹ LPBF: giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu ("Ngày Giao dịch"), ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch và Thời điểm Đóng Sổ lệnh một cách cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ hoặc bằng thư điện tử.

   Quy định cụ thể về Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi và các Giao dịch phi thương mại được nêu ở mục 2 và 3 của Bản cáo bạch này.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư và/hoặc có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ trong các trường hợp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin, triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định.

Điều 18. Giá Phát hành, Giá Mua lại Chứng chỉ Quỹ

Được quy định tại mục 2, 3 của Bản cáo bạch này.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào Liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

IV. Chương IV. Đại hội Nhà Đầu tư

Chương này gồm 6 Điều, từ Điều 20 đến Điều 25, cung cấp các quy định về Đại hội Nhà Đầu tư, Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà Đầu tư ; Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà Đầu tư; Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

Các nội dung chính như sau:

Điều 20. Đại hội Nhà Đầu tư

1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp có tên trong Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư đều có quyền tham dự Đại hội Nhà Đầu tư.
2. Quỹ không bắt buộc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên.

Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp sau:

1.1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

1.2. Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

1.3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản gửi tới Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
3. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.
4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
4. Phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
7. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong các trường hợp sau đây:

1.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

1.2 Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

1.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;

1.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.

3. Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc bất kì người nào khác do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

4. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 24. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ (nếu có) được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức điện tử khác.

3. Trừ trường hợp Quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

4. Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu tư. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, trình tự lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản như sau:

4.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;

4.2 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;

4.3 Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;

b) Thông tin Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;

c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ;

e) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ;

4.4 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi bằng chuyển phát, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan Phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà Đầu tư). Phiếu lấy ý kiến gửi bằng chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng thư điện tử hoặc fax phải được bảo mật cho đến khi kiểm Phiếu. Trong trường hợp gửi Phiếu lấy ý kiến

bằng thư điện tử thì Công ty Quản lý Quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, và Nhà Đầu tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư.

4.5 Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của Nhà Đầu tư cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của Nhà Đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.

4.6 Công ty Quản lý Quỹ thành lập Ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết, Quyết định được thông qua đến các Nhà Đầu tư trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà Nhà Đầu tư phải gửi ý kiến về Công ty Quản lý Quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương Biên bản họp Đại hội Nhà Đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;

b) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;

c) Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

d) Họ tên, chữ ký của Trưởng ban kiểm phiếu, chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền và người Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ hoặc người được người đại diện theo Pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền.

4.7 Ban kiểm phiếu, thành viên Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của Nội dung Biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác

4.8 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Cổng thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN trong vòng hai mươi bốn giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

4.9 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết, Quyết định được thông qua và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành.

5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi số Nhà Đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.

5.1 Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ;

5.2 Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;

5.3 Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

6. Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản

7. Sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc sau khi kết thúc việc lấy ý kiến bằng văn bản; hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử; hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCK, Ngân hàng Giám sát và cung cấp cho Nhà Đầu tư hoặc Công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh

trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh, trừ trường hợp chỉ thực hiện được một phần theo quy định tại điều 17 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, mức Giá Mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi.

V. Chương V. Ban Đại diện Quỹ

Chương này gồm 7 Điều, từ Điều 26 đến Điều 32, cung cấp các quy định về Ban Đại diện Quỹ; Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ; Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ; Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ; Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ; và cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.

Các nội dung chính như sau:

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ LPBF có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật.
3. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

3.1. Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

3.2. Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ này;

4. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:

4.1 Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

4.2 Tối thiểu 01 (một)) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

4.3 Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật

5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ này. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại diện Quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp tục quản lý công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ đó;
2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể đồng thời là Thành viên Ban đại diện của các Quỹ khác. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải thông báo với Ban Đại diện Quỹ về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Ban Đại diện Quỹ kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.
3. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư tổ chức là thành viên Ban Đại diện Quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà Đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư

cách Thành viên Ban Đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới của Nhà Đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ.

4. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ:

4.1 Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

4.2 Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt nam theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn, pháp luật vv… và không nhất thiết phải là Nhà Đầu tư của Quỹ;

c) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

5. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện Quỹ:

5.1. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

5.2. Là thành viên của trên 05 (năm) Ban Đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

5.3. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu tư;
2. Phê duyệt Sổ tay định giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm 3.1, 3.2, 3.5, khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ này hoặc đã được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
5. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý Quỹ và hoạt động giám sát.
6. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kì hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
7. Thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;
8. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

9. Có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của Quỹ đại chúng;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một người trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
1.3. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
1.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
2.1. Không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quỹ trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
2.2. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
2.3. Bị khởi tố hoặc truy tố;
2.4. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của pháp luật hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
2.5. Không có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;
2.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho UBCKNN, gửi danh sách Ban Đại diện Quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại diện Quỹ.
5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban Đại diện Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban Đại diện Quỹ tạm thời thay thế. Thành

viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

6. Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Ban Đại diện Quỹ bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Ban Đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba).

b. Số lượng thành viên độc lập Ban Đại diện Quỹ giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm 6.1, 6.2 khoản này, Đại hội Nhà Đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu 01 (một) quý 01 (một) lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Ban Đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Đại diện Quỹ.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn, hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu họp Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định cuộc họp Hội đồng quản trị của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên), bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của các thành viên dự họp khác. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Đại diện Quỹ dự họp và đa số thành viên Ban Đại diện Quỹ độc lập thông qua.
6. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký vào Biên bản cuộc họp nhưng nếu tất cả các thành viên khác của Ban Đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì Biên bản họp này vẫn có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán nhưng không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của Ban đại diện Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

VI. Chương VI. Công ty quản lý quỹ

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 33 đến Điều 36, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ (CTQLQ); Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ; Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ và Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này;

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ:

1.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Quản lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2. Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.

1.3. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải:

a) Ký Hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tại Ngân hàng Giám sát;

b) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho quỹ, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;

c) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp, tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ cho các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc các tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

d) Tách biệt tài sản của quỹ với tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên đảm bảo có sự thống nhất về tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;

f) Thực hiện việc đầu tư tài sản của quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;

g) Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành quỹ để quản lý quỹ, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất 02 (hai) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

1.4. Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo:

a) Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

b) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư. Nội dung Sổ Đăng ký Nhà Đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Quỹ;

1.5. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ Quỹ;

1.6. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng 01 (một) lần, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân hàng Giám sát.

1.7. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp giao dịch này phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;

1.8. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

1.9. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng. Quy định về việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công ty và nhân viên;

1.10. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN, đảm bảo nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;

1.11. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ. Việc bồi thường cho quỹ, Nhà Đầu tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

1.12. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết, hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm 1.11 Khoản này.

1.13. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý Phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng:

a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh tính chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

b) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối thông qua Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo tới UBCKNN;

c) Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

1.14. Trường hợp quỹ là Nhà Đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư;

1.15. Công ty Quản lý Quỹ khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.

1.16. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo:

a) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ;

b) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ không được vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 06 (sáu) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà quỹ đó được thành lập.

1.17. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu;

1.18. Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo:

a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liêu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận phù hợp với vị trí công việc theo quy định về kiểm soát nội bộ;

c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.19. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối chứng chỉ quy cần phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử;

1.20. Cam kết tuân thủ các quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

2.1. Lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Điều lệ này.

2.2. Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động Quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan đến việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu tư vào Quỹ;

2.3. Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

2.4. Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;

2.5. Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kì ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;

2.6. Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ;
2.7. Được hưởng các khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
2.8. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
2.9. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và Ban Đại diện Quỹ;
2.10. Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành:
1.1. Công ty Quản lý Quỹ tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ;
1.2. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
1.3. UBCKNN thu hồi Giấy phép hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 95 Luật chứng khoán;
1.4. Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ;
1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm khoản 1.1, 1.3 và 1.4 Khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCK điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ liên quan đến việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Nhà Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với Nhà Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay thế Công ty Quản lý Quỹ.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ thay thế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai Công ty Quản lý Quỹ. Biên bản phải được Đại hội Nhà Đầu tư và Ngân hàng Giám sát xác nhận.
6. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Nhà Đầu tư mà chưa bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho Công ty Quản lý Quỹ thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều này;
7. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:
7.1 Nhà Đầu tư chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế Công ty Quản lý Quỹ trong trường hợp có sự thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này, đồng thời sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý Quỹ
2%	Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 (ba) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Phí này nhằm bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

7.2 NAV được sử dụng để tính phí bồi thường cho Công ty Quản lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

7.3 Trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định của pháp luật và Quyết định này không bị Ủy ban chứng khoán phản đối thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khoản phí nêu trên.

7.4 Các trường hợp khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay đối với Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký và ngược lại.
2. Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại khoản 4.2 Điều này.
3. Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao nào, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại Giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
4. Trong hoạt động quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo:

4.1. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ đó;

4.2. Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, Quỹ do mình quản lý để đầu tư vào quỹ khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.

4.3. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ, không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không đầu tư vào tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% Vốn Điều lệ;

Công ty Quản lý Quỹ có thể sử dụng vốn của Quỹ thành viên, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ Quỹ, Hợp đồng ủy thác đầu tư, Biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm 4.2 khoản này.

4.4. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.

4.5. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về Quỹ đầu tư chứng khoán.

4.6. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại, không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng;

5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo bộ phận Kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận Kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
6. Không được tiết lộ thông tin về thành viên góp vốn, trừ trường hợp được thành viên góp vốn đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán;
8. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% (hai mươi lăm phần trăsm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, Chứng chỉ Quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:

8.1. Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

8.2. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

9. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

VII. Chương VII. Ngân hàng Giám sát

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 37 đến Điều 40, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát; Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát; Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát và Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát.

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
2. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật chứng khoán;
3. Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại;
4. Ngân hàng Giám sát, Thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
5. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1.1. Luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư Quỹ;

1.2. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng;

1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;

1.4. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng Giám sát và Điều lệ Quỹ;

1.5. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;

1.6. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

1.7. Giám sát hoặc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là chính xác;

1.8. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

1.9. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;

1.10. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

1.11. Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

1.12. Đảm bảo duy trì số lượng nhân viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn để cung ứng dịch vụ, duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật đầy đủ theo quy định của pháp luật chứng khoán của Việt Nam;

1.13. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập;

1.14. Ngân hàng Giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;

1.15. Không được nhận một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng Giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba;

1.16. Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ mọi cam kết tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

2.1. Hưởng các khoản thanh toán phí/giá dịch vụ cho dịch vụ lưu ký và giám sát tài sản Quỹ theo quy định của Điều lệ này, Hợp đồng Giám sát và phù hợp với các quy định của Pháp luật;

2.2. Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;

2.3. Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

2.4 Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng Giám sát.

Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

1.1. Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản Ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;

1.2. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định

của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

1.3. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

1.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ;

1.5. Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ;

1.6. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý Quỹ.

5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 45, khoản 6, 7 Điều 51, khoản 2 Điều 67 thông tư 98/2020/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC), Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

1.1. Ngân hàng Giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 điều 60 Luật Chứng khoán;

1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng lưu ký, giám sát;

1.3. Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

1.4. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

1.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp thay đổi Ngân hàng Giám sát, Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ báo cáo UBCKNN và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Ngân hàng Giám sát thay thế. Ngân hàng Giám sát thay thế phải lập và gửi UBCKNN biên bản bàn giao giữa hai Ngân hàng Giám sát có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ.

4. Trường hợp Ngân hàng Giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại ngân hàng cũ.

VIII. Chương VIII. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 41 đến Điều 45, cung cấp các quy định về các hoạt động được ủy quyền; tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan; Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ với hoạt động đã ủy quyền và Chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng Quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các hoạt động được ủy quyền bao gồm:

2.1 Dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư;

2.2 Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng;

2.3 Các hoạt động khác (khi phát sinh) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền.
   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mình thực hiện.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất,

giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền trong các trường hợp sau:

1.1. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;

1.2. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản, bị hợp nhất, sáp nhập bởi tổ chức khác, bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

1.3. Theo đề nghị của Công ty Quản lý;

1.4. Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu tư;

1.5. Quỹ bị giải thể, sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của các tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp Với quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Tổ chức nhận ủy quyền bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý Quỹ.

IX. Chương IX. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh

Chương này gồm 3 Điều, từ Điều 46 đến Điều 48, cung cấp các quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ; Hoạt động của Đại lý Phân phối và Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ.

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN.
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở.

3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời Điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.

4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Trường hợp Đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các Đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của Đại lý Phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

5. Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của Đại lý Phân phối. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của Đại lý Phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

6. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Hoạt động của Đại lý Phân phối bao gồm:

1.1 Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;

1.2 Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu theo quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời, phải đảm bảo ghi nhận đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời Điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử khác thì phải tuân thủ lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

1.3 Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

1.4 Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;

1.5 Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;

1.6 Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại lý Phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các Quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.
5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào, không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà Đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý Phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ.

   Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.

7. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.
8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

X. Chương X. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 49 đến Điều 53, cung cấp các quy định về Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán; năm tài chính; chế độ kế toán; Báo cáo tài chính và Báo cáo khác.

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thông qua việc lựa chọn 01 (một) công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán được đề xuất để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các tổ chức kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm và nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.
2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

i. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ tài chính cấp;
ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
iii. Nằm trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
iv. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

3. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:

i. Công ty Kiểm toán bị thu hồi giấy phép;
ii. Công ty Kiểm toán bị phá sản hay giải thể.

Điều 50. Năm Tài chính

1. Năm Tài chính là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 (chín mươi) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam cho Quỹ mở và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của quỹ.
2. Báo cáo tài chính sẽ được soát xét bán niên/kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán được lựa chọn. Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/hàng năm đã được soát xét bán niên/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại hội Nhà Đầu tư và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để Nhà Đầu tư có thể tham khảo.

Điều 53. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

XI. Chương XI. Giá trị tài sản ròng của quỹ

Chương này gồm 5 Điều, từ Điều 54 đến Điều 58, cung cấp các quy định về Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ; Quy trình định giá giá trị tài sản ròng của quỹ ; Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn tổ chức báo giá.

Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trên cơ sở tổng giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong đó, tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc do tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của Pháp luật và điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.

2.1 Trong trường hợp giá trị tài sản ròng bị định giá sai, trong vòng 24h Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng;

2.2 Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.

2.3 Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới 30 (ba mươi) tỷ đồng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp 10 (hơn mười) tỷ đồng trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, Công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.

3. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định vào Ngày định giá. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà Đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
5. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Điều 55. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Ngày Định giá

Ngày Định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày trước Ngày Định giá.

a) Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản. Trong trường hợp không xác định được giá thị trường tại Ngày Giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Điều lệ Quỹ này, Sổ tay định giá của Quỹ sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản;

b) Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá.

2.2. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo phương pháp định giá được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ theo từng thời điểm phù hợp với các quy định được áp dụng.

2.3. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay định giá do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan, đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua bằng văn bản.

3. Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng (bao gồm tổng nợ và tổng tài sản) của quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 56. Quy trình định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 55 Điều lệ này và theo quy trình được quy định tại Bản cáo bạch và phù hợp với các quy định của UBCKNN.

2. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng thì Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá trị tài sản Ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

3. Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ. Việc xác nhận phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi định giá sai Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, với các mức sai lệnh đạt từ 01% (một phần tram) Giá trị Tài sản Ròng trở lên.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

2.1. Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã bán; Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;

2.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành; Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:

3.1. Đối với Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai; chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư được hạch toán vào Quỹ;

3.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
3. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.

XII. Chương XII. Thu thập và phân phối lợi nhuận

Chương này gồm 2 Điều, từ Điều 59 đến Điều 60, cung cấp các quy định về Thu nhập của quỹ và Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

Điều 59. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi;
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 60. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

1. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ và đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a. Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua;

c. Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng.

3. Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Chỉ những Nhà Đầu tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

5.1 Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc Đơn vị Quỹ);

5.2 Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

5.3 Giá trị lợi nhuận được phân chia; số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);

5.4 Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

5.5 Các ảnh hưởng tác động đến Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

6. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

7. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.

XIII. Chương XIII. Giá dịch vụ, phí và các chi phí hoạt động

Chương này gồm 3 Điều, từ Điều 61 đến Điều 63, cung cấp các quy định về Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả; các loại giá dịch vụ do Quỹ trả và Các chi phí hoạt động khác của Quỹ.

Điều 61. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu tư trả

1. Giá Dịch vụ Phát hành Chứng chỉ Quỹ

1.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi mua một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỉ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ LPBF.

1.2 Giá Dịch vụ Phát hành không vượt quá 05% (năm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định;

1.3 Giá Dịch vụ Phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Đơn vị Quỹ được phân phối và sẽ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ;

1.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Phát hành trong một khoảng thời gian cố định, Công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng;

1.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Giá Dịch vụ Mua lại

2.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi quỹ được chuyển đổi. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà Đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được;

2.2 Giá Dịch vụ Mua lại không vượt quá 03% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định;

2.3 Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO);

2.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Mua lại trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng;

2.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Giá Dịch vụ Chuyển đổi

3.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi Nhà Đầu tư đổi từ Chứng chỉ Quỹ này sang Chứng chỉ Quỹ khác do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý tại cùng một Đại lý Chuyển nhượng.

3.2 Giá Dịch vụ Chuyển đổi được tính trên giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi

3.3 Giá Dịch vụ Chuyển đổi không vượt quá 03% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định;

3.4 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Chuyển đổi trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng;

3.5 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Giá Dịch vụ Chuyển nhượng (phi thương mại)

4.1 Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi tiến hành chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế…).

4.2 Giá Dịch vụ Chuyển nhượng được tính theo từng lần phát sinh giao dịch Chứng chỉ Quỹ được chuyển nhượng phi thương mại. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định;

4.3 Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi Giá Dịch vụ Chuyển nhượng trong một khoảng thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý Phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho Nhà Đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng;

4.4 Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 62. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ

1.1 Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm NAV của Quỹ.

1.2 Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ tối đa là 1,2% (một phẩy hai phần trăm) NAV/năm.

1.3 Tỷ lệ Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ và giá các dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

1.4 Trường hợp điều chỉnh tăng Giá Dịch vụ Quản lý quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua. Trường hợp điều chỉnh giảm Giá Dịch vụ Quản lý quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ xác định và phải được Ban Đại diện quỹ thông qua. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ngân hàng Giám sát và trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời cập nhật trong Bản Cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.

1.5 Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;

1.6 Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

*Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) * NAV tại ngày trước Ngày Định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)*

1.7 Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:

*Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]+Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá cuối tháng * số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]*

2. Giá Dịch vụ Lưu ký và Giám sát

2.1. Giá Dịch vụ Giám sát, Lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ Ngân hàng Giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ thực hiện trong tháng.

2.2. Giá Dịch vụ Giám sát: 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (Tối thiểu: 5.000.000 đồng /tháng);

2.3. Giá Dịch vụ Lưu ký: 0,05% (không phẩy không năm phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng); Mức giá này chưa bao gồm Phí giao dịch chứng khoán…

2.4. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu….

2.5. Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật (nếu có);

2.6. Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho mỗi kỳ định giá như sau:

*Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) * NAV tại ngày trước Ngày Định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)*

2.7. Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

*Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định giá/ số ngày thực tế của*

*năm (365 hoặc 366)]+Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá cuối tháng * số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]*

2.8. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát và phương pháp thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ:

3.1 Là giá dịch vụ mà Quỹ LPBF trả cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá trị dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;

3.2 Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ: 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) NAV/năm (Tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT;

3.3 Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký cho mỗi kỳ định giá như sau:

*Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá Dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) * NAV tại ngày trước Ngày Định giá * số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)*

3.4 Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá Dịch vụ Quản trị Quỹ được xác định như sau:

*Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá Dịch vụ Quản trị Quỹ (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng * số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]+Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá Dịch vụ Quản trị Quỹ (năm)*NAV tại ngày trước Ngày Định giá cuối tháng * số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]*

3.5 Mức giá Dịch vụ Quản trị Quỹ và phương pháp thanh toán giá Dịch vụ Quản trị Quỹ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

4. Giá dịch vụ liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản quỹ:

4.1. Giá dịch vụ giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký:

a) Giá dịch vụ giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết/ đăng ký giao dịch: 0,03% tổng giá trị giao dịch (Min 100.000 đồng/ngày giao dịch; Max 10.000.000 đồng/ngày giao dịch);

b) Giá dịch vụ giao dịch trái phiếu niêm yết: 0,01% (không phẩy không một phần trăm) tổng giá trị giao dịch (Min 100.000 đồng/ngày giao dịch; Max 10.000.000 đồng/ngày giao dịch);

c) Giá dịch vụ, phí giao dịch khác trả cho Ngân hàng lưu ký sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ.

4.2. Giá dịch vụ, phí giao dịch khác:

a) Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ khác;

b) Chi phí này được thanh toán theo thực tế phát sinh.

5. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

5.1. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định; Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng trả hàng tháng là tổng giá trị dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;

5.2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng: 12.000.000 VND/tháng áp dụng khi Quỹ có tần suất giao dịch > 02 phiên/tuần. Mức giá này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch (nếu phát sinh).

5.3. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Ngoài ra, quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSDC theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

5.4. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được trích lập tại hàng kỳ định giá của Quỹ.

Điều 63. Các chi phí hoạt động khác của Quỹ

Là các chi phí khác do Quỹ LPBF chi trả, bao gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ (không bao gồm chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ do Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối tự chi trả);
4. Chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ;
5. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;
6. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ này theo sự phê chuẩn của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành;
8. Chi phí thủ tục hành chính nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép Quỹ, điều chỉnh giấy phép Quỹ…)
9. Chi phí cho Ban Đại diện Quỹ:

9.1. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ với điều kiện tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

9.2. Chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ này phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ;

10. Chi phí về bảo hiểm (nếu có)
11. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
12. Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ;
13. Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

XIV. Chương XIV. Tái cơ cấu, giải thể quỹ

Chương này gồm 3 Điều từ Điều 64 đến Điều 66, quy định về các điều kiện hợp nhất, sáp nhập; các điều kiện tách quỹ và các điều kiện giải thể Quỹ.

Điều 64. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 65. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận trong các trường hợp sau:

1.1 Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ mở vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

1.2 Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.

2. Việc tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 66. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau:

1.1. Công ty Quản lý Quỹ bị phá sản, giải thể hoặc bị UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

1.2. Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;

1.3. Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản. Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

1.4. Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát khác thay thế trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;

1.5. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng trong liên tục 06 (sáu) tháng;

1.6. Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. Chương XIV. Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương này gồm 1 Điều 67, quy định về Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

XVI. Chương XV. Công bố thông tin, sửa đổi và bổ sung Điều lệ

Chương này gồm 4 Điều, từ Điều 68 đến Điều 71, cung cấp các quy định về Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Đăng ký Điều lệ và Điều khoản thi hành.

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ (bưu điện hoặc email) do thành viên Ban Đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ;

3. Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

5. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc Công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ đầu tư chứng khoán chấp thuận.

Điều 70. Đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 71 Điều và 3 Phụ lục, đã được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho quỹ Quỹ.
   Điều lệ Quỹ được sửa đổi và bổ sung lần 2 bao gồm 16 Chương, 71 Điều và 3 Phụ lục, đã được Đại hội Nhà Đầu tư bất thường thông qua ngày 10/04/2026 và sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày này.
2. Các bản trích hay sao y của Bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ thì mới có giá trị.
3. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau bằng tiếng Việt Nam:

3.1 01 (một) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định;

3.1. 04 (bốn) bản lưu tại văn phòng Công ty Quản lý Quỹ;

3.2. 01 (một) bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng Giám sát.

Điều 71. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ là các Phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 02
QUY TRÌNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. ***Bước 1: Mở tài khoản***

   Đối với Nhà Đầu tư lần đầu thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập, Nhà Đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ bằng cách điền vào "Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở" hoặc đăng ký giao dịch trực tuyến và nộp cho Đại lý Phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của Đại lý Phân phối;

2. ***Bước 2: Đăng ký giao dịch***

   Nhà Đầu tư điền thông tin vào Phiếu Đăng Ký Mua/Bán/Chuyển Đổi/Chuyển Nhượng Chứng Chỉ Quỹ, đăng ký tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ, hủy lệnh, thay đổi thông tin bằng cách điền vào các phiếu tương ứng theo mẫu tại Phụ Lục 2 và nộp cho Đại lý Phân phối.

3. ***Bước 3: Nộp tiền đối với lệnh mua Chứng chỉ Quỹ***

   Nhà Đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Số tài khoản của Quỹ sẽ được Đại lý Phân phối cung cấp cho Nhà Đầu Tư. Nội dung chuyển khoản của Nhà Đầu tư cần theo đúng yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ.

4. ***Bước 4: Đại lý Phân phối kiểm tra***

   Đại lý Phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ và các thông tin ghi trên phiếu lệnh, và có thể yêu cầu Nhà Đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin theo đúng quy định.

5. ***Bước 5: Chuyển thông tin lên Đại Lý Chuyển nhượng***

   Đại lý Phân phối chuyển thông tin về lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Đại lý Chuyển nhượng.

6. ***Bước 6: Khớp lệnh & phân bổ***

   Đại Lý Chuyển Nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư đối với các lệnh hợp lệ.

7. ***Bước 7: Thông báo Kết quả Giao dịch***

   Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến Nhà Đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày kể từ Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ.

8. ***Bước 8: Thanh toán tiền bán***

   Tiền bán chứng khoán sẽ được thanh toán vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày sau Ngày Giao Dịch.

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH

1. **Công ty cổ phần Fincorp**

Địa chỉ trụ sở chính: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở số 01/GCN-UBCK ngày 02/04/2018 do UBCKNN cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314127430 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 23/11/2016; chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/07/2021

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: 176/1 – 176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 36361079 Fax: 028 36361078

2. **Công ty cổ phần quản lý quỹ LPB**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số phố 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 48/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 22/01/2009; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/3/2026.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103401797 do Phòng đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 22/01/2009; thay đổi lần thứ 13 ngày 26/3/2026

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 2, Tòa nhà LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải và số phố 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 212 1616

3. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702 tầng 7 Tòa nhà Capital Building số 58 phố Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 50/UBCK/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung sau đó

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK ngày 24/08/2022 do UBCKNN cấp;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102122617 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2006; thay đổi lần thứ 11 ngày 12/01/2026

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Phòng 702 tầng 7 Tòa nhà Capital Building số 58 phố Kim Mã, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466878996

4. **Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 457/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 02/12/2025

Giấy phép thành lập: số 104/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12/02/2009 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung sau đó

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309312029 cấp lần đầu ngày 12/02/2009; thay đổi lần thứ 23 ngày 27/8/2026 cấp bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh

Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 7309 8198

5. **Công ty Cổ phần Đầu tư VAM**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp văn phòng quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ đại chúng số 65/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/04/2026
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109662393 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2021; thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2026
Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 3, Tháp văn phòng quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 7300 2126

PHỤ LỤC 04
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ